

QUESTIONNAIRE FOR EX.POLITICAL PRISONERS IN VIET NAM

I. BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIET NAM :

1. Full name : NGUYỄN VĂN TRÚ
2. Date and place of birth : Sept. 26, 1954 in Thu Dau Mot (South Vietnam)
3. Position :
 - Rank : in training course of Police Officer
 - Serial number : NO
 - Police Unit : Police Officer Institute in Thu Duc belonging to National Police Headquarter.
4. Month, date, year of arrested : June 1975.
5. Month, date, year out of camp : Dec. 1975.
Loss of civil rights and of freedom of removal : One year and 10 months.
6. Present mailing address of E.P. : No 92/3 Ô. 1 Ấp 3 Truong Binh Hiep village, Thu Dau Mot town-council, Song Be Province, South Vietnam.
- 7.- Current address : - as above -

II. LIST OF D.O.B. and P.O.B. of EP's immediate family and father, mother :

- A. Relatives to accompany with EP to immigrate to the U.S. : N O N E
- B. Complete family listing (living/dead) of EP PP :
 - Father : NGUYEN VAN KIEN Dead in 1982
 - Mother : TRAN THI HOA, 1928 LIVING TOGETHER ME
 - Wife : N o n e (single)
 - Children : N o n e
 - Siblings :
 - 1) Nguyễn Văn Bé (M) 1957, Tân An village, Thu Dau Mot
 - 2) Nguyễn Thị Bông (F) 1960
 - 3) Nguyễn Thị Tam (F) 1965
 - 4) Nguyễn Văn Phúc (M) 1968
 - 5) Nguyễn Thị Sang (F) 1969
 - 6) Nguyễn Trùng Sơn (M) 1970
 - 7) Nguyễn Ngọc Toàn (M) 1974Those 6 siblings are cohabiting with me.

III. RELATIVES OUTSIDE OF VIET NAM : N O N E

IV. APPLICATION SUBMITTED TO BANGKOK : Only for me alone, dated Aug. 8th, 1988
Reply from Bangkok : NO.

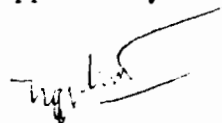
V. Comments and Remarks :

- 1.- My civil rights were lost from June 1975 upto April 10, 1977.
- 2.- My removal is severely restricted from the date of Release Order up to the date of Rehability of civil rights on April 10, 1977.
That situation was due to my previous occupation in Police service of RVN.

Ho Chi Minh City, Sept.

1990

The Applicant,



Nguyễn Văn Trú

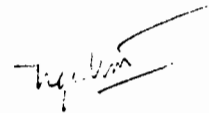
IV = _____
VENT 4 _____
I-171 4 _____
EXIT VISA 4 _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION

1. APPLICANT IN VIET NAM : TRU VAN NGUYEN
Current address : No 22/3 Ô. 1 Ấp 3 Prang Binh Hiep village, Thu Dau Mot Thị xã,
Song Be province, South Vietnam.
Date of birth : Sept. 25, 1954 - Place of birth : Thu Dau Mot - Vietnam.
Previous occupation (before 1975) : in training course of Police Officer in Police Officer
Institute in Thu Duc belonging to National Police Headquarter in Saigon.
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP : From June 1975 To Dec. 1975
06 months
but loss of civil rights : from June 1975 to April 10, 1977 : One year and 10 months.
and during this time, my removal was severly restricted by local security authorities.
3. SPONSOR's NAME : N o n e
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S. : N o n e

Sept. 1970

The Applicant,



TRU VAN NGUYEN

Page 2

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : TRU VAN NGUYEN
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES : N O N E

ADDITIONAL INFORMATION : My previous file of application for entry visa to the U.S.
with complete verifying documents were submitted to O.D.P. in Bangkok on Aug. 1968.

I N T A K E

Name of Ex.Political Prisoner : TRU VAN NGUYEN
Date, Place of birth : Sept. 26, 1954 in Thu Dau Mot, South Vietnam.
Sex : Male
MARITAL STATUS : Single
ADDRESS IN VIET NAM : No 92/3 Ô I Ấp 3, Truong Binh Hiep village, Thi Xã Thu Dau
Song Bé province, South Vietnam.
POLITICAL PRISONER : YES
From June 1975 to Dec. 1975
PLACE OF RE-EDUCATION : in Bien Hoa and Song Bé (South Vietnam)
PROFESSION : (Before April 1975) : in training course of Police Officer in
Police Officer Institute belonging to National Police Headquarter in Saigon
EDUCATION IN U.S. : NO
VN ARMY : NO
VN GOVERNMENT : Police officer training course in Thu Due
- Position : _____
- Date : _____
APPLICATION FOR O.D.P. : YES - on August 1986
IV number : NO
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : N O N E
MAILING ADDRESS IN VIET NAM : N O
NAME AND ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : N O N E
U.S. CITIZEN : NO
RELATIONSHIP WITH PRISONER : NO
NAME AND SIGNATURE OF INFORMANT : TRU VAN NGUYEN
ADDRESS OF INFORMANT : as above of TRU VAN NGUYEN

Ho Chi Minh City, Sept. 1990

Ủy Ban Quân Quản

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập — Dân Chủ — Hòa Bình — Trung Lập

Số 029 /CN

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐÃ HỌC TẬP CÁI TẠO



Họ và tên thật Nguyễn Văn Tru
Tên thường gọi
Ngày sinh 26 - 9 - 1954
Quê quán Xã Tân An, Bến Cát
Chỗ ở hiện tại 84 Khu 3 Ấp Chánh Lộc
Cố định việc
.....

Số căn cước Cấp bậc Thiếu tá Sĩ Quan
Chức vụ công khai Đại tá Quân Binh chủng Cảnh Sát
Chức vụ bí mật Đơn vị Phòng Văn Thư
ĐÃ HỌC TẬP NGÀY TẠI 20/5/52

 Nón cái trái	NHÂN DẠNG : Cao 1m 65... Nặng 50... kg Dấu riêng <i>Mất ruột trên gò má</i> <i>lên trái</i>
 Nón cái phải	ngày 24 tháng 12 năm 1975 TM. ỦY BAN QUÂN QUẢN Ban An Ninh Nội Chính <i>[Signature]</i> HUYỀN HOANG VAN

CHÚ Ý :

- Khi về phải xuất trình giấy chứng nhận này cho địa phương.
- Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương chính sách của chính quyền cách mạng.
- Luôn luôn chịu sự giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương và tự học tập cải tạo để mau chóng trở thành người dân lương thiện.
- Mất phải báo cáo ngay cho chính quyền và an ninh địa phương.

MILITARY ADMINISTRATIVE
COMMITTEE

REPUBLIC OF SOUTH VIET NAM
Independence - Democracy - Peace - Neutrality

No : 0.2/CN

ACHIEVED RE-EDUCATION CERTIFICATE

True full name : NGUYEN VAN THU
Other used name : NO
Date of birth : September 25, 1954
Native region : Tân An village, Bến Cát, South Vietnam
Present home address : 04 Khu 5 Ấp Chánh Lộc, Chánh Hiệp village
Thu Dau Mot
Identification Card No : Rank : Officer student
Open occupation : in training course Military Corps : Police
Secret title : Unit : Training school in Thu Dau.
PERFORMED RE-EDUCATION :, Days at J.2075/K2.

I N V E R S O

Face feature : Height : 1m65 - Weight : 50 kg
Particularity : one black mole on left cheek.

December, 24th, 1975

On behalf of MILITARY ADMINISTRATIVE COMMITTEE

Signature and seal :
NGUYEN HUANG VAN

REMARKS :- On arrival, must present the present certificate to local authorities
- To perform strictly any policy order of revolutionary authorities.
- To submit yourselves always to the education of local people's authorities.
- and to educate yourselves in order to become quickly a correct citizen.
- To report immediately to local authorities and security service the loss of
this certificate if any.

- Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 01.4.1967 tu chỉnh do Luật số 001/74 ngày 22.01.74;
- Chiếu Sắc lệnh số 394-TT/SL ngày 01-9-1959, và các văn kiện kế tiếp nhất là Sắc lệnh số 130-TT/L ngày 18-02-74 ấn định thành phần chánh phủ.
- Chiếu Sắc-Lệnh số 355-TT/SL ngày 01-6-1971 ấn định và tổ chức Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia sửa đổi và bổ túc bởi Sắc-Lệnh số 120-TT/SL ngày 15-3-1972
- Chiếu Sắc-Luật số 057-TT/SLU ngày 23-12-1972 ấn định quy chế nhân-viên chánh ngạch thuộc Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia.
- Chiếu Sắc Lệnh số 565-TT/SL ngày 01-9-1971 bổ nhiệm Đại-Tá (nay là Chuẩn-Tướng) NGUYỄN-KHẮC-BÌNH giữ chức vụ Tư Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia.
- Chiếu Nghị định số 337-NĐ/NV ngày 01-4-1972 thành lập trong Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia một trường Huấn-Luyện Sĩ-Quan lấy tên là Học-Viện Cảnh-Sát Quốc-Gia.
- Chiếu Sắc-Lệnh số 023-Th.T/PCI ngày 16-02-1973 qui định bộ Tư-Lệnh Cảnh. Sát Quốc-Gia tự đảm nhiệm mọi vấn đề liên quan đến Pháp-chế và Quản-trị nhân-viên Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia,
- Chiếu Nghị-Định số 355-NĐ/NV ngày 07-4-1972 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ chấp thuận cho Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia được tuyển dụng thanh-niên có Tú-Tài trở lên để đào tạo thành Sĩ-Quan Cảnh-Sát Quốc-Gia cấp Thiếu-Úy.
- Chiếu danh sách ứng viên trình diện tại Học Viện Cảnh-Sát Quốc-Gia ,

Q U Y Ế T - Đ Ị N H

Điều 1 Các Sinh-viên có tên dưới đây đã trúng tuyển khóa 10 Sĩ-Quan Cảnh-Sát, nay được chính thức tuyển dụng kể từ ngày nhập học:

STT : Họ và tên : Ngày sinh : Ngày trình diện : Chức vụ
nhập học

164 : NGUYỄN-VĂN-TRU : 26-09-1954 : 26-10-1974 :

Điều 2 Lương bổng của các đồng sự do Ngân-Sách Quốc-Gia (Chương mục Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia) Đại thọ, bằng lương bổng của một CSV (CSL-180) đồng tình trạng đến ngày tốt nghiệp..

Điều 3 Tư-Lệnh Phó và Phụ-Tá Tư-Lệnh , Trưởng Khối Nhân-Viên Bộ Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia chiếu nhiệm vụ thi hành quyết định này.-

SÀI-GÒN ngày 06 tháng 01 năm 1975

Ấn ký : Chuẩn-Tướng NGUYỄN-KHẮC-BÌNH

Nơi nhận:

- VP Tư-Lệnh
- VP Tư-Lệnh Phó
- Khối NV/Sở TQT
- TTSS/CH
- Sở Tài-ngân
- Khối HL/Học Viện CSQG
- Hồ-sơ + Lưu
- Bản sao kính gởi:
- Phủ Thủ tướng (Tổng Nha NS và NV)
- Sở KSUC c/BNV
- Sở CB và VK

Kiểm nhận về phương diện kinh phí
Kiểm soát (trước) chỉ ngày 18-11-1974

Ký tên THÂN-VĂN-TRỌNG

PHÓ - BÀN

PHỤ-TÁ TƯ-LỆNH TƯ LƯU KHỐI NHÂN-VIÊN
Đại-Tá NGUYỄN-PHÚ-SANH

TRÍCH-SAO Y

Thủ-Đức ngày (3 tháng) năm 1975

CHỦ-SY PHÒNG HÀNH CHÁNH

Trưng-bí ĐẶNG-DUY-THAI

REPUBLIC OF VIET NAM
FIRST MINISTER PALACE
NATIONAL POLICE HEADQUARTER

THE NATIONAL POLICE COMMANDER

No : 27/BTL/NV/QĐ

- Referring to Republic of Vietnam's Constitution of April 1st, 1967 amended by Law No. 001/74 of Jan. 22, 1974.
- Referring to Order No 394-TT/SL of Sept. 1st, 1969 and other following orders specially the Order No 130-TT/SL of Feb. 18, 1974 fixing the governmental element.
- Referring to Order No 355-TT/SL of June 1st, 1971 fixing and organizing the National Police Force amended and completed by Order No 120-TT/SL of 03.15.1972
- Referring to Order No 057-TT/SL of Dec. 23, 1972 fixing the statute for confirmed official employees of National Police Force.
- Referring to Order No 555-TT/SL of Sept. 1st, 1971 appointing Colonel (nowaday promoted to Admiral-General) NGUYEN KHAC BINH in title of National Police Force Commander.
- Referring to Decree No 357-NĐ/NV of April 4, 1972 constituting in the National Police Force, an officer training school with the name 'NATIONAL POLICE INSTITUTE'.
- Referring to Order No 025-ThT/PCI of Feb. 16, 1973 assigning the National Police Headquarter as competent of every affairs relative to the law and Administration of National Police Force's personnel.
- Referring to Decree No 355-NĐ/NV of April 7, 1972 of First Minister approving the National Police Force to recruit the young men graduated from Bachelor to higher class in order to create them into National Police Officers with the rank of Second-Lieutenant.
- Referring to the list of candidates presented to the National Police Institute.

D E C I S I O N

ARTICLE 1.- The under-mentioned students successful in the 10th examination of Police officer, are today officially appointed from the day of their entry in school.

Serial : number :	Full name :	D.O.B. :	Date of presentation : to school :	Remark :
134 :	NGUYEN VAN TRU :	26.09.1954 :	25.10.1974 :	

ARTICLE 2.- The salary of interested students are paid by National Budget (National Police Force account), equivalent to salary of policemen (CS1-180) with same standard upto the day of graduation.

ARTICLE 3.- The Vice-Commander and Assistant-Commander, Chief of Personnel Section of National Police Headquarter, based on their competency, have to perform the present Decision.

Addresses :

- Commander's Office
- Vice-Commander's Office
- Personnel Section/General Administration.
- TTHS/CN
- Financial Office
- Training Section of National Police Institute.
- File - Archives.
- Copies to :
- First Minister Palace (Directorate General of Personnel).
- Bureau of Control of Estimated Expenses of Home Office
- Cadre Bureau and Archives.

Saigon, January 06 - 1975

Signature and seal : Aspirant-General NG. KHAC BINH
Controlled and approved on the point of Charges.
Controlled the estimative expenses on 12.18.1974
Signed : TRẦN VĂN TRỌNG

DUPLICATE

THE ASSISTANT-COMMANDER, Chief of Personnel Section
Colonel NGUYEN PHU SANG
EXTRACTED CONFORM COPY
Thu Duc, Jan. 23, 1975
THE CHIEF OF ADMINISTRATIVE BUREAU
Signature and seal
Lieutenant ĐANG DUY MAI

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

-1-
BỘ GIÁO DỤC

(- HƯNG - (- HỈ

-1-
Nha học Vụ Nông-Lâm-Súc
Số ký danh:
033

TƯ TÀI KỸ-THUẬT PHẦN THỨ HAI
NGÀNH NÔNG-LÂM-SÚC

CHÁNH CHỦ KHẢO HỘI ĐỒNG KHẢO THÍ

TƯ TÀI KỸ THUẬT PHẦN THỨ HAI
NGÀNH NÔNG LÂM SÚC

Λ

Nhận thực thí sinh : NGUYỄN VĂN TRỪ

Sinh ngày : 26 tháng 09 năm 1954

tại Tân An Xã tỉnh Bình Dương

đã trúng tuyển kỳ thi TƯ-TÀI KỸ-THUẬT PHẦN THỨ HAI

NGÀNH NÔNG LÂM SÚC Ban Súc hạng Bình thừm.

Khóa ngày 04 tháng 07 năm 1973 tại Bình Dương

với điều kiện được Ông Tổng Trưởng Giáo Dục phê chuẩn.

Sài-gòn, ngày 24 tháng 07 năm 1973

CHÁNH CHỦ KHẢO

Người lập chứng chỉ:
Đã ký: Nguyễn Tâm.

Đã ký : Nguyễn văn Thạt

SAO Y BẢN CHÍNH

Chức danh

Sao y bản chính



REPUBLIC OF VIET NAM
DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION

No : 000873

SERVICE OF EDUCATION OF AGRICULTURE-
SYLVICULTURE AND LOG

C E R T I F I C A T E
TECHNICAL BACHELOR OF 2ND PART
AGRICULTURAL-SYLVICULTURAL AND LOG
FACULTY

Nominative number of examination :

033

THE HEAD-EXAMINER OF EXAMINATION COUNCIL
OF TECHNICAL BACHELOR OF 2ND PART
AGRICULTURAL-SYLVICULTURAL AND LOG FACULTY

Certifies that candidate : NGUYỄN VĂN TRÚ
Born on September 23th, 1954
at Tan An village, Binh Diang Province
was successful in the examination of TECHNICAL BACHELOR OF
2ND PART OF AGRICULTURAL-SYLVICULTURAL AND LOG FACULTY.

Classification : FAIR
examination of July 4th, 1973 in Binh Diang.
with subjection to further approval of The Secretary of State
for National Education.

The employee making out the
present certificate,

Full name : NGUYỄN TÂM

Signature : signed

Saigon, July 24th, 1973

THE HEAD-EXAMINER,

Signature and seal,

NGUYỄN VĂN THẤT

(I) Remark : The present certificate is delivered only one time to each
candidate.

[Handwritten signature]
[Handwritten text]

Translation from Vietnamese language

SONG BE PROVINCE
THU DAU MOT TOWN-COUNCIL'S
PEOPLE'S COMMITTEE

REPUBLIC SOCIALIST OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

REHABILITATION OF CIVIL RIGHTS ORDER

- Referring to the 10 points policy of South Vietnam Provisional Revolutionary Government.
- Towards the employees of false armed force, false administrative authorities of ancient regime,
- Based on the guarantee application of Tran Thi Qua 1928 residing at No 84 Group 3, Zone 3, Hamlet Chanh Loc, wife of Nguyen Van Tru.
- Based on the proposal of Chanh My village's People's Committee,

THE PEOPLE'S COMMITTEE OF THU DAU MOT TOWN-COUNCIL

D E C I D E S

- To rehabilitate the civil rights to NGUYEN VAN TRU, born in 1954, residing in Chanh Loc Hamlet, Chanh My village, Thu Dau Mot town-council of Song Be province.

Re-education Certificate No issued on

- From April 10, 1977, Mr. NGUYEN VAN TRU is free for any removal and can enjoy the civil rights as well as all other citizens of Republic Socialist Government of Vietnam.

Town-Council, April 12, 1977

On behalf of Thu Dau Mot town-council's People Committee

The Chairman,

Signature and seal,

NGUYEN THI EN

File No : _____

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANT

Ho Chi Minh City, August 8, 1988

A.- BASIC IDENTIFICATION DATA.-

- 1.- Name : NGUYỄN VĂN TRÚ Sex : Male
2.- Other name : NO
3.- Date/Place of birth : September 25th, 1954 at Thu Dau Mot, South Vietnam
4.- Residence address : 92/3 Ô I Ấp 3, Xã Trương Bình Hiệp, Thị xã Thu Dau Mot
Tỉnh Sông Bé - South Vietnam.
5.- Mailing address : - as above -
6.- Current occupation : farmer in my village, and teacher of Primary class.

B.- RELATIVES TO ACCOMPANY ME.- NONE (I should go alone)

C.- RELATIVE OUTSIDE OF VIET NAM.- NONE

D.- COMPLETE FAMILY LISTING (living/dead)

- 1.- Father NGUYỄN VĂN KIÊN Dead in 1982
2.- Mother TRẦN THỊ HOA; 1928 living together me in above address
3.- Step-mother NO
4.- Spouse NO (I am single)
5.- Further spouse NO
6.- Children NONE
7.- Siblings : 1) Nguyễn Văn Bé (M) 1957 Tân An village, Thu Dau Mot
2) Nguyễn Thị Bông (F) 1960)
3) Nguyễn Thị Tam (F) 1965)
4) Nguyễn Văn Phúe (M) 1968) Those 6 siblings are coha-
5) Nguyễn Thị Sang (F) 1969) biting with me.
6) Nguyễn Trường Sơn (M) 1970)
7) Nguyễn Ngọc Toàn (M) 1974)

E.- EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF ME : NO

F.- SERVICE WITH R.V.N.A.F. of me :

- 1.- Date of person serving : NGUYỄN VĂN TRÚ (M) Serial number : NO
2.- Date : From October 1974 to April 30, 1975
3.- Last rank : If my training course of Police Officer could be continued completely
my rank would have been as Second-Lieutenant of Police. But that training
course was suddenly interrupted on April 30, 1975.
4.- Police Unit : Police Officer Institute in Thu Duc belonging to National Police
Headquarter.
5.- Name of Commanding Officer : Colonel TRAN MINH CÔNG.
6.- Reason for leaving : political events of April 30, 1975.
7.- Name of American Adviser : unknown
8.- U.S. training course in Vietnam : Police Officer training course in Thu Duc.
9.- U.S. awards or certificate : NO

G.- TRAINING OUTSIDE VIET NAM : NO

H.- RE-EDUCATION OF ME :

- 1.- Name of person in re-education : NGUYỄN VĂN TRÚ (M)
2.- Total time in re-education : From June 1975 to Dec. 1975 : 06 months
3.- Still in re-education ? NO

Besides of this time of re-education, my civil rights were interrupted from the
day of re-education upto April 10, 1977, totally within One year and 10 months including
the time of the severe restriction of my removal from my house by local security autho-
rity.

I.- ADDITIONAL REMARKS :

- As I wish to go along to the U.S. with lowest removal expenses, I would like to use my graduated technical knowledge in Agriculture-Sylviculture and log which may be useful for your country.

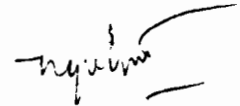
J.- CERTIFICATION :

I affirm the present information is true and understand that any false statement will prevent me from going to the U.S.A.

Verifying documents here enclosed again :

- 1.- Certificate of Technical Bachelor of 2nd Part in Agriculture-Sylviculture and Log Faculty.
- 2.- Certificate of achieved re-education
- 3.- Decision appointing me definitively to National Police Force.
- 4.- Rehabilitation of civil rights order

Respectfully yours,



Nguyen Van Tri

HO CHI MINH City, September

1990

TO : FAMILIES VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O.Box 5435, Arlington

V.A. 22205-0635

U. S. A.

Subject : Request for your humanitarian assistance and intervention with
H.O. Program for our entry visa to the U.S.A.

Reference : My herewith attached file of application dated Aug.8, 1988 submitted
to O.D.P. in Bangkok on behalf of one former political prisoner.

Dear (Sir, Ma,

I undersigned NGUYEN VAN TRU (M) Vietnamese, born on Sept.26, 1954 in
Thu Dau Mot (Vietnam), marital status : single, residing at No 92/3 Ô.I Ấp
3 Truong Binh Hiep village, Thu Dau Mot Town-council, Song Be province,

Have the honour to expose you my case as follows :

First, I thank you very much for your precious information by several
forms of application on which I have respectively completed.

I also am joining herewith photocopy of my file of application submitted
on August 1988 to O.D.P. in Bangkok from whom I am waiting for approval.

Regarding the time of my previous re-education, I wish to report you
clearly as follows :

- Time in re-education camps in Bien Hoa and Song Bé :

- June 1975 to Dec. 1975 :

06 months.

However, I lost my civil rights from June 1975 to April

1977 :

one year and 10 months

and therefore, during this time, my removal as well as my activities
for living were severely restricted by the control of local security
authorities. That situation was due to my previous occupations in police service.

Please also remark that, as I am living single, I would go alone,
without any accompanying relative.

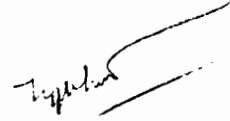
For the above reasons, I hope with full belief that your organization
will plead my cause so that I may be authorized to be settled in the U.S.A.
for seeking a new life therein.

Awaiting for your successful intervention saving me from my actual
difficulties, I thank you very deeply, and beg to remain, dear Sir,

Encl :

- 3 Forms of application
- photocopy of my file submitted
to O.D.P. in Bangkok on Aug.1988.

Gratefully yours,
The Applicant,



Nguyen Van Tra

QUESTIONNAIRE FOR EX.POLITICAL PRISONERS IN VIET NAM

I. BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIET NAM :

1. Full name : NGUYỄN VĂN TRÚ
2. Date and place of birth : Sept. 26, 1954 in Thu Dau Mot (South Vietnam)
3. Position :
 - Rank : in training course of Police Officer
 - Serial number : NO
 - Police Unit : Police Officer Institute in Thu Duc belonging to National Police Headquarter.
4. Month, date, year of arrested : June 1975.
5. Month, date, year out of camp : Dec. 1975.
Loss of civil rights and of freedom of removal : One year and 10 months.
6. Present mailing address of E.P. : No 92/3 Ô. 1 Ấp 3 Trảng Bình Hiệp village, Thu Dau Mot town-council, Song Be Province, South Vietnam.
- 7.- Current address : - as above -

II. LIST OF D.O.B. and P.O.B. of EP's immediate family and father, mother :

- A. Relatives to accompany with EP to immigrate to the U.S. : N O N E
- B. Complete family listing (living/dead) of EP PP :
 - Father : NGUYEN VAN KIEM Dead in 1982
 - Mother : TRAN THI HOA, 1928 LIVING TOGETHER ME
 - Wife : N o n e (single)
 - Children : N o n e
 - Siblings :
 - 1) Nguyễn Văn Bé (M) 1957, Tân An village, Thu Dau Mot
 - 2) Nguyễn Thị Bông (F) 1960
 - 3) Nguyễn Thị Tam (F) 1965
 - 4) Nguyễn Văn Phúc (M) 1968
 - 5) Nguyễn Thị Sang (F) 1969
 - 6) Nguyễn Trảng Sơn (M) 1970
 - 7) Nguyễn Ngọc Toàn (M) 1974

III. RELATIVES OUTSIDE OF VIET NAM : N O N E

IV. APPLICATION SUBMITTED TO BANGKOK : Only for me alone, dated Aug. 8th, 1988
Reply from Bangkok : NO.

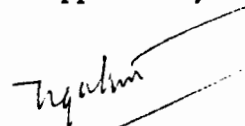
V. Comments and Remarks :

- 1.- My civil rights were lost from June 1975 upto April 10, 1977.
- 2.- My removal is severely restricted from the date of Release Order up to the date of Rehability of civil rights on April 10, 1977.
That situation was due to my previous occupation in Police service of RVN.

Ho Chi Minh City, Sept.

1990

The Applicant,



Nguyễn Văn Trú

I N T A K E

Name of Ex.Political Prisoner : TRU VAN NGUYEN

Date, Place of birth : Sept. 26, 1954 in Thu Dau Mot, South Vietnam.

Sex : Male

MARITAL STATUS : Single

ADDRESS IN VIET NAM : No 92/3 Ô I Ấp 3, Truong Binh Hiep village, Thi Xa Thu Dau Mot
Song Be province, South Vietnam.

POLITICAL PRISONER : YES

From June 1985 to Dec. 1975

PLACE OF RE-EDUCATION : in Bien Hoa and Song Be (South Vietnam)

PROFESSION : (Before April 1975) : in training course of Police Officer in
Police Officer Institute belonging to National Police Headquarter in Saigon.

EDUCATION IN U.S. : NO

VN ARMY : NO

VN GOVERNMENT : Police officer training course in Thu Duc

- Position : _____

- Date : _____

APPLICATION FOR O.D.P. : YES - on August 1988

IV number : NO

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : N O N E

MAILING ADDRESS IN VIET NAM : N O

NAME AND ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : N O N E

U.S. CITIZEN : NO

RELATIONSHIP WITH PRISONER : NO

NAME AND SIGNATURE OF INFORMANT : TRU VAN NGUYEN

ADDRESS OF INFORMANT : as above of TRU VAN NGUYEN

Ho Chi Minh City, Sept. 1990

IV ✓
VEML ✓
I-I7I ✓
EXIT VISA ✓

POLITICAL PRISONER REGISTRATION

1. APPLICANT IN VIET NAM : TRU VAN NGUYEN
Current address : No 92/3 Ô. I Ấp 3 Truong Binh Hiep village, Thu Dau Mot Thị Xã,
Song Be province, South Vietnam.
Date of birth : Sept. 25, 1954 - Place of birth : Thu Dau Mot - Vietnam.
Previous occupation (before 1975) : in training course of Police Officer in Police Officer
Institute in Thu Duc belonging to National Police Headquarter in Saigon.
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP : From June 1975 To Dec. 1975
06 months
But loss of civil rights : from June 1975 to April 10, 1977 : One year and 10 months.
and during this time, my removal was severely restricted by local security authorities.
3. SPONSOR's NAME : None
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S. : None

Sept. 1990

The Applicant,

Tru Van Nguyen

TRU VAN NGUYEN

Page 2

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : TRU VAN NGUYEN
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES : NONE

ADDITIONAL INFORMATION : My previous file of application for entry visa to the U.S.
with complete verifying documents were submitted to O.D.P. in Bangkok on Aug. 1988.

THÀNH SÔNG BÈ
UBND THỊ-ÃN.
T-D-N.

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ-NGIÃ VIỆT-NAM.
Độc-lập Tự-do Hạnh-phúc.
2

CẤY LẤY MẪU LỜI QUỖA CÔNG DÂN .

- Căn cứ vào chính sách 10 điểm của Chính Phủ Cách Mạng Liên
Thần Cộng-Hòa Miền-Nam Việt-Nam .
- Đối với những người làm việc cho bộ máy ngy quĩ , ngy
quĩ của chế độ cũ .
- Căn cứ vào đơn xin bảo lãnh *(Khai . T. Th. Qua . 1928 . Ngụ .*
84 70.3. Khá 3 ấp Chánh Lộc . Li. An . Ngụ Ngụ . Văn . T. Th.
- Căn cứ sự đề nghị của Ủy Ban An . *Chánh Ngụ*

ỦY BAN AN DÂN THỊ-ÃN SÔNG BÈ

QUỖA - DƯỠI .

- Nay, phục hồi quyền công dân cho *Ngụ Ngụ . Văn . T. Th.*
tuổi *19.58* ngụ ở *Chánh Lộc* *Chánh Ngụ* Thị-
Li. An . T. Th. Sông Bè .

Giấy chứng nhận học tập của tạo số Cấp
ngày

- Kể từ ngày *10* tháng *04* năm *1977 . An, Chi*
Ngụ Ngụ . Văn . T. Th. được tự do đi lại và hưởng quyền
công dân như những người công dân khác của nước Cộng-Hòa
Hội Chủ-Ngĩa Việt-Nam .

Thị-Ãn, ngày 2 tháng 6 năm 1977
UBND THỊ-ÃN
Phủ-tịch.


Phủ-tịch
Ngụ Ngụ . Văn . T. Th.

Translation from Vietnamese language

SONG BE PROVINCE
THU DAU MOT TOWN-COUNCIL's
PEOPLE'S COMMITTEE

REPUBLIC SOCIALIST OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

REHABILITATION OF CIVIL RIGHTS ORDER

- Referring to the 10 points policy of South Vietnam Provisional Revolutionary Government.
- Towards the employees of false armed force, false administrative authorities of ancient regime,
- Based on the guarantee application of Tran Thi Qua 1928 residing at No 84 Group 3, Zone 3, Hamlet Chánh Lộ, wife of Nguyen Văn Trí.
- Based on the proposal of Chanh My village's People's Committee,

THE PEOPLE'S COMMITTEE OF THU DAU MOT TOWN-COUNCIL

D E C I D E S

- To rehabilitate the civil rights to NGUYEN VAN THU, born in 1954, residing in Chanh Loc Hamlet, Chanh My village, Thu Dau Mot town-council of Song Be province.

Re-education Certificate No issued on

- From April 10, 1977, Mr. NGUYEN VAN THU is free for any removal and can enjoy the civil rights as well as all other citizens of Republic Socialist Government of Vietnam.

Town-Council, April 12, 1977

On behalf of Thu Dau Mot town-council 's People Committee
The Chairman,

Signature and seal,

NGUYEN THI EN

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

⁻¹⁻
BỘ GIÁO DỤC

(HƯNG - (HÍ

⁻¹⁻
Nhà học Vụ Nông-Lâm-Súc
Số ký danh:
033

TỬ TÀI KỸ-THUẬT PHẦN THỨ HAI
NGÀNH NÔNG-LÂM-SÚC

CHÁNH CHỦ KHẢO HỘI ĐỒNG KHẢO THÍ

TỬ TÀI KỸ THUẬT PHẦN THỨ HAI
NGÀNH NÔNG LÂM SÚC

Y

Nhận thực thí sinh : NGUYỄN VĂN TRỮ

Sinh ngày : 26 tháng 09 năm 1954

tại Tân An Xã tỉnh Bình Dương

đã trúng tuyển kỳ thi TỬ-TÀI KỸ-THUẬT PHẦN THỨ HAI

NGÀNH NÔNG LÂM SÚC Ban Súc hạng Bình thối.

Khóa ngày 04 tháng 07 năm 1973 tại Bình Dương

với điều kiện được Ông Tổng Trưởng Giáo Dục phê chuẩn.

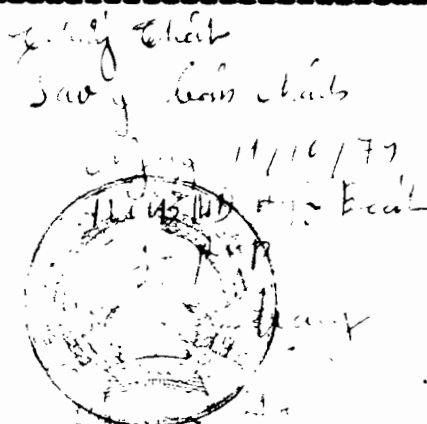
Sài-gòn, ngày 24 tháng 07 năm 1973

CHÁNH CHỦ KHẢO

Người lập chứng chỉ:
Đã ký: Nguyễn Tâm.

Đã ký : Nguyễn văn Thạt

SAO Y BẢN CHÍNH



REPUBLIC OF VIET NAM
DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION

No : 000873

SERVICE OF EDUCATION OF AGRICULTURE-
SYLVICULTURE AND LOG

C E R T I F I C A T E
TECHNICAL BACHELOR OF 2ND PART
AGRICULTURAL-SYLVICULTURAL AND LOG
FACULTY

Nominative number of examination :
033

THE HEAD-EXAMINER OF EXAMINATION COUNCIL
OF TECHNICAL BACHELOR OF 2ND PART
AGRICULTURAL-SYLVICULTURAL AND LOG FACULTY

Certifies that candidate : NGUYỄN VĂN TRÚ
Born on September 26th, 1954
at Tan An village, Binh Dieng Province
was successful in the examination of TECHNICAL BACHELOR OF
2ND PART OF AGRICULTURAL-SYLVICULTURAL AND LOG FACULTY.
Classification : FAIR
Examination of July 4th, 1973 in Binh Dieng.
with subjection to further approval of The Secretary of State
for National Education.

The employee making out the
present certificate,
Full name : NGUYỄN TÂM
Signature : signed

Saigon, July 24th, 1973
THE HEAD-EXAMINER,
Signature and seal,
NGUYEN VQN THAT

(I) Remark : The present certificate is delivered only one time to each
candidate.

- Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 01.4.1967 tu chỉnh do Luật số 001/74 ngày 22.01.74;
- Chiếu Sắc lệnh số 394-TT/SL ngày 01-9-1959, và các văn kiện kế tiếp nhất là sắc lệnh số 130-TT/SL ngày 18-02-74 ấn định thành phần chính phủ.
- Chiếu Sắc-Lệnh số 355-TT/SL ngày 01-6-1971 ấn định và tổ chức Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia sửa đổi và bổ túc lời Sắc-Lệnh số 120-TT/SL ngày 15-3-1972
- Chiếu Sắc-Lệnh số 057-TT/SLU ngày 23-12-1972 ấn định chế độ nhân-viên chánh thuộc Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia.
- Chiếu Sắc Lệnh số 565-TT/SL ngày 01-9-1971 bổ nhiệm Đại tá (nay là Chuẩn-Tướng) NGUYỄN-KHẮC-BÌNH giữ chức vụ Tư Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia.
- Chiếu Nghị định số 337-ID/NV ngày 04-4-1972 thành lập trong Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia một trường Huấn-Luyện Sĩ-Quan lấy tên là Học-Viện Cảnh-Sát Quốc-Gia.
- Chiếu Sắc-Lệnh số 023-Th.T/PC1 ngày 16-02-1973 qui định Bộ Tư-Lệnh Cảnh. Sát Quốc-Gia tự đảm nhiệm mọi vấn đề liên quan đến Pháp-chế và Quản-trị nhân-viên Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia,
- Chiếu Nghị-Định số 355-ID/NV ngày 07-4-1972 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ chấp thuận cho Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia được tuyển dụng thanh-niên có Tú-Tài từ lên để đào tạo thành Sĩ-Quan Cảnh-Sát Quốc-Gia cấp Thiếu-Úy.
- Chiếu danh sách ứng viên trình diện tại Học Viện Cảnh-Sát Quốc-Gia ,

QUYẾT - ĐỊNH

Điều 1 Các Sinh-viên có tên dưới đây đã trúng tuyển khóa 10 Sĩ-Quan Cảnh-Sát, nay được chính thức tuyển dụng kể từ ngày nhập học:

STT : Họ và tên : Ngày sinh : Ngày trình diện : Chức vụ
nhập học

164 : NGUYỄN-VĂN-TRU : 25-09-1954 : 25-10-1974 :

Điều 2 Lương bổng của các đương sự do Ngân-Sách Quốc-Gia (Chương mục Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia) trả theo bảng lương bổng của một CSV (CSL-160) đồng tình trạng đến ngày tốt nghiệp.

Điều 3 Tư-Lệnh Phó và Phụ-Tá Tư-Lệnh , Trưởng Khối Nhân-Viên Bộ Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia chiếu nhiệm vụ thi hành quyết định này.-

SÀI-GÒN ngày 06 tháng 01 năm 1975
Ấn ký : Chuẩn-Tướng NGUYỄN-KHẮC-BÌNH

Kiểm nhân và phương diện kinh phí
Kiểm soát việc chi ngày 18-12-1974
Ký tên TRẦN-VĂN-TRỌNG

PHÓ - ĐẠM

PHỤ-TÁ TƯ-LỆNH TRƯỞNG KHỐI NHÂN-VIÊN
Đại-Tá NGUYỄN-PHÚ-SANH

TRÍCH-SAO Y

Thư-Dục ngày 21 tháng 1 năm 1975

Thư-Sứ PHƯƠNG-KHÁNH-CHÂN

Trưởng, LƯỢNG-DUY-THAI

- Nơi nhận:
- VP Tư-Lệnh
 - VP Tư-Lệnh Phó
 - Khối NV/Sở TQT
 - TTNS/CN
 - Sở Tài-ngân
 - Khối HL/Học Viện CSQG
 - Hồ-sơ + Lưu
 - Bản sao kính gửi:
 - Phủ Thủ tướng (Tổng Nha NS và NV)
 - Sở KSUC c/BNV
 - Sở CB và VK

REPUBLIC OF VIET NAM
FIRST MINISTER PALACE
NATIONAL POLICE HEADQUARTER

THE NATIONAL POLICE COMMANDER

No : 27/BTL/NV/QĐ

- Referring to Republic of Vietnam's Constitution of April 1st, 1967 amended by Law No 001/74 of Jan. 22, 1974.
- Referring to Order No 374-TT/SL of Sept. 1st, 1969 and other following orders specially the Order No 130-TT/SL of Feb. 18, 1974 fixing the governmental element.
- Referring to Order No 355-TT/SL of June 1st, 1971 fixing and organizing the National Police Force amended and completed by Order No 120-TT/SL of 03.15.1972
- Referring to Order No 057-TT/SL of Dec. 23, 1972 fixing the statute for confirmed official employees of National Police Force.
- Referring to Order No 555-TT/SL of Sept. 1st, 1971 appointing Colonel (nowaday promoted to Admiral-General) NGUYỄN KHÁC BÌNH in title of National Police Force Commander.
- Referring to Decree No 337-NĐ/NV of April 4, 1972 constituting in the National Police Force, an officer training school with the name : NATIONAL POLICE INSTITUTE.
- Referring to Order No 023-ThT/PCI of Feb. 15, 1973 assigning the National Police Headquarter as competent of every affairs relative to the law and Administration of National Police Force's personnel.
- Referring to Decree No 355-NĐ/NV of April 7, 1972 of First Minister approving the National Police Force to recruit the young men graduated from Bachelor to higher class in order to create them into National Police Officers with the rank of Second-Lieutenant.
- Referring to the list of candidates presented to the National Police Institute.

DECISION

ARTICLE 1.- The under-mentioned students successful in the 10th examination of Police officer, are today officially appointed from the day of their entry in school.

Serial : number :	Full name :	D.O.B. :	Date of presentation : to school :	Remark
184 :	NGUYỄN VĂN TRÚ :	26.05.1954 :	25.10.1974 :	

ARTICLE 2.- The salary of interested students are paid by National Budget (National Police Force account), equivalent to salary of policemen (CSL-180) with same standard upto the day of graduation.

ARTICLE 3.- The Vice-Commander and Assistant-Commander, Chief of Personnel Section of National Police Headquarter, based on their competency, have to perform the present Decision.

Addresses :

- Commander's Office
- Vice-Commander's Office
- Personnel Section/General Administration.
- ITHS/CN
- Financial Office
- Training Section of National Police Institute.
- File - Archives.
- Copies to :
 - First Minister Palace (Directorate General of Personnel).
 - Bureau of Control of Estimated Expenses of Home Office
 - Cadre Bureau and Archives.

Saigon, January 06 - 1975

Signature and seal : Aspirant-General NG. KHAC BINH
Controlled and approved on the point of Charges.

Controlled the estimative expenses on 12.18.1974

Signed : TRẦN VĂN TRỌNG

DUPLICATE

THE ASSISTANT-COMMANDER, Chief of Personnel Section
Colonel NGUYỄN PHU SANG

EXTRACTED CONFORM COPY

Thu Đức, Jan. 23, 1975

THE CHIEF OF ADMINISTRATIVE BUREAU

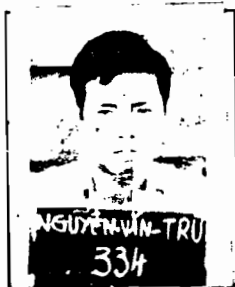
Signature and seal
Lieutenant ĐĂNG DUY MAI

Ủy Ban Quân Quản

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập — Dân Chủ — Hòa Bình — Tự Do

Số 029 /CN

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐÃ HỌC TẬP CÁI TẠO



Họ và tên thật Nguyễn Văn Tru

Tên thường gọi

Ngày sinh 26 - 9 - 1954

Quê quán Xã Tân An, Bến Tre

Chỗ ở hiện tại 84, khu 3, ấp Chánh, xã

Chánh Hiệp, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Số căn cước Cấp bậc Thiếu tá

Chức vụ công khai Đại tá, Phó Bí thư Đảng ủy

Chức vụ bí mật Đơn vị Phòng Văn Thư

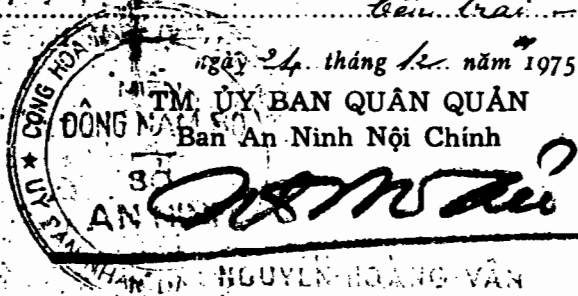
ĐÃ HỌC TẬP NGÀY TẠI 20/5/75

Nghĩa cử trái

Nghĩa cử phải

NHÂN DẠNG : Cao 1m 65... Nặng 50... kg

Dấu riêng *Mất ruột trên gò má
bên trái*



- CHÚ Ý :
- Khi về phải xuất trình giấy chứng nhận này cho địa phương.
 - Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương chính sách của chính quyền cách mạng.
 - Luôn luôn chịu sự giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương và tự học tập cải tạo để mau chóng trở thành người dân lương thiện.
 - Mất phải báo cáo ngay cho chính quyền và an ninh địa phương.

MILITARY ADMINISTRATIVE
COMMITTEE

No : 029/CN

Translation from Vietnamese language
REPUBLIC OF SOUTH VIET NAM
Independence - Democracy - Peace - Neutrality

ACHIEVED RE-EDUCATION CERTIFICATE

True full name NGUYỄN VAN TRU
Other used name NO
Date of birth September 25, 1954
Native region Tân An village, Bến Cát, South Vietnam
Present home address : 84 Khu 3 Ấp Chánh Lộc, Chánh Hiệp village
 Thu Dau Mot
Identification Card No : Rank : Officer student
Open occupation : in training course Military Corps : Police
Secret title : Unit : Training school in Thu Duc.
PERFORMED RE-EDUCATION :, Days at J.2075/K2.

I N V E R S O

Face feature : Height : 1m65 - Weight : 50 kg
Particularity : one black mole on left cheek.

December, 24th, 1975

On behalf of MILITARY ADMINISTRATIVE COMMITTEE

Signature and seal :
NGUYỄN HOANG VÂN

REMARKS :- On arrival, must present the present certificate to local authorities
- To perform strictly any policy order of revolutionary authorities.
- To submit yourselves always to the education of local people's authorities.
- and to educate yourselves in order to become quickly a correct citizen.
- To report immediately to local authorities and security service the loss of
this certificate if any.

File No : _____

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANT

Ho Chi Minh City, August 8, 1988

A.- BASIC IDENTIFICATION DATA.-

- 1.- Name : NGUYỄN VĂN TRÚ Sex : Male
2.- Other name : NO
3.- Date/Place of birth : September 26th, 1954 at Thu Dau Mot, South Vietnam
4.- Residence address : 21/3 Ô I Ấp 3, Xã Trảng Sinh Hiệp, Thị xã Thu Dau Mot
Tỉnh Sông Bé - South Vietnam.
5.- Mailing address : - as above -
6.- Current occupation : farmer in my village, and teacher of Primary class.

B.- RELATIVES TO ACCOMPANY ME.- NONE (I should go alone)

C.- RELATIVE OUTSIDE OF VIET NAM.- NONE

D.- COMPLETE FAMILY LISTING (living/dead)

- 1.- Father NGUYỄN VĂN KIẾN Dead in 1982
2.- Mother TRẦN THỊ HOA, 1928 living together me in above address
3.- Step-mother NO
4.- Spouse NO (I am single)
5.- Further spouse NO
6.- Children NONE
7.- Siblings : 1) Nguyễn Văn Bé (M) 1957 Tân An village, Thu Dau Mot
2) Nguyễn Thị Hồng (F) 1960)
3) Nguyễn Thị Tam (F) 1965)
4) Nguyễn Văn Phúc (M) 1968) Those 6 siblings are coha-
5) Nguyễn Thị Sang (F) 1969) biting with me.
6) Nguyễn Trường Sơn (M) 1970)
7) Nguyễn Ngọc Toàn (M) 1974)

E.- EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF ME : NO

F.- SERVICE WITH R.V.N.A.F. of me :

- 1.- Date of person serving : NGUYỄN VĂN TRÚ (M) Serial number : NO
2.- Date : From October 1974 to April 30, 1975
3.- Last rank : If my training course of Police Officer could be continued completely
my rank would have been as Second-Lieutenant of Police. But that training
course was suddenly interrupted on April 30, 1975.
4.- Police Unit : Police Officer Institute in Thu Duc belonging to National Police
Headquarter.
5.- Name of Commanding officer : Colonel TRAN MINH CÔNG.
6.- Reason for leaving : political events of April 30, 1975.
7.- Name of American Adviser : unknown
8.- U.S. training course in Vietnam : Police Officer training course in Thu Duc.

- 9.- U.S. awards or certificate : NO

G.- TRAINING OUTSIDE VIET NAM : NO

H.- RE-EDUCATION OF ME :

- 1.- Name of person in re-education : NGUYỄN VĂN TRÚ (M)
2.- Total time in re-education : From June 1975 to Dec. 1975 : 06 months
3.- Still in re-education ? NO

Besides of this time of re-education, my civil rights were interrupted from the day of re-education upto April 10, 1977, totally within One year and 10 months including the time of the severe restriction of my removal from my house by local security authority.

I.- ADDITIONAL REMARKS :

- As I wish to go alone to the U.S. with lowest removal expenses, I would like to use my graduated technical knowledge in Agriculture-Sylviculture and log which may be useful for your country.

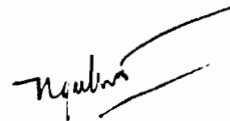
J.- CERTIFICATION :

I affirm the present information is true and understand that any false statement will prevent me from going to the U.S.A.

Verifying documents here enclosed again :

- 1.- Certificate of Technical Bachelor of 2nd Part in Agriculture-Sylviculture and Log Faculty.
- 2.- Certificate of achieved re-education
- 3.- Decision appointing me definitively to National Police Force.
- 4.- Rehabilitation of civil rights Order

Respectfully yours,

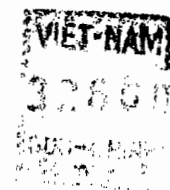


Nguyen Van Tru

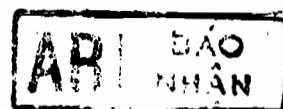
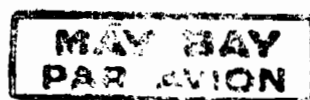
From : NGUYEN VAN THU, 92/3 O. I Kp 3 Truong Binh Hiep Village, Thu Dau Mot - Song Be - VIET NAM

R

23 6 8



TO : Mrs KHUC MINH THO
FAMILIES VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
Box. 5435, Arlington
V. A. 22205-0535



WASHINGTON

- U . S . A . -

ex: 328110